TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đinh Thị Vân Anh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 102/2026/TLST-VDS ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc "Xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2026/QĐST-VDS ngày 05 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Tổ 8, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.

HKTT: Thôn Bình Minh, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 2000;
- Cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2026

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên.

(Chị L, anh H, anh T đều xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu và bản tự khai của chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Năm 2025, chị và anh Nguyễn Trung H ở thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên có quen biết và tìm hiểu yêu nhau nhưng thời điểm đó chị và chồng cũ là anh Nguyễn Văn T đang sống ly thân nhau, chị về nhà mẹ đẻ ở. Quá trình chị và anh H yêu nhau, hai anh chị có qua lại với nhau và chị có thai với anh H. Ngày 13/02/2026 chị và anh T làm thủ tục ly hôn nhau. Đến ngày 22/02/2026, chị sinh cháu gái dự

định đặt tên cháu là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2026. Ngày 31/3/2026, chị và anh H đăng ký kết hôn với nhau.

Nay chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên xác định anh Nguyễn Trung H là cha đẻ của cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2026.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Trung H trình bày:

Năm 2025, anh và chị L có quen biết và tìm hiểu yêu nhau, thời điểm đó chị L đang sống ly thân với chồng là anh Nguyễn Văn T. Quá trình anh và chị L yêu nhau, có qua lại với nhau và chị L có thai với anh. Ngày 13/02/2026, chị L và chồng là anh T làm thủ tục ly hôn nhau. Ngày 22/02/2026, chị L sinh cháu gái dự định đặt tên cháu là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2026. Ngày 31/3/2026, chị L và anh đăng ký kết hôn với nhau.

Nay chị L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên xác định anh là cha đẻ của cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2026, anh hoàn toàn nhất trí.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị L trước kia là vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên cũ (Nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên). Trong quá trình chung sống, anh chị mâu thuẫn, sống ly thân nhau. Đến ngày 13/02/2026, anh chị đã hoàn thành thủ tục ly hôn. Quá trình anh và chị L ly thân, chị L có quan hệ tình cảm với ai anh không quan tâm.

Nay chị L đề nghị xác định cha cho con đối với con của chị L, anh xác định không có liên quan gì đến chị L và cháu bé.

Ngày 21/4/2026, chị L làm đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ADN của anh Nguyễn Trung H và cháu dự định đặt tên là Nguyễn Ngọc Minh C. Ngày 22/4/2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên đã ra Quyết định trưng cầu giám định ADN của anh Nguyễn Trung H và cháu dự định đặt tên là Nguyễn Ngọc Minh C. Ngày 04/5/2026, Trung tâm P có kết luận: Cháu Nguyễn Ngọc Minh C là con của ông Nguyễn Trung H.

Tại phiên họp, người yêu cầu là chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, người liên quan là anh H, anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ việc đúng thẩm quyền, xác định đúng yêu cầu, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ việc đúng thời hạn quy định. Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 10 Điều 29; Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372

Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 88; Điều 89; Điều 91; Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh L, yêu cầu Tòa án xác định anh Nguyễn Trung H là cha đẻ của cháu dự định đặt tên là Nguyễn Ngọc Minh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết yêu cầu:

Ngày 02/4/2026, chị Nguyễn Thị Thanh L, HKTT: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên xác định anh Nguyễn Trung H, địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên là cha đẻ của cháu dự định đặt tên là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2026, địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên. Do vậy, đây là việc dân sự về yêu cầu xác định cha cho con, theo quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật tố tụng Dân sự. Căn cứ khoản 10 Điều 29 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc chị L yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người yêu cầu là chị Nguyễn Thị Thanh L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trung H và anh Nguyễn Văn T đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiếp tục mở phiên họp theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2019. Trong quá trình chung sống, hai anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2025. Trong thời gian chị L và anh T ly thân, chị L có quen biết với anh Nguyễn Trung H. Quá trình chị L và anh H yêu nhau, hai anh chị có qua lại với nhau và chị L có thai với anh H.

Ngày 13/02/2026, chị L và anh T ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026 của TADN khu vực 4 – Hưng Yên.

Ngày 22/02/2026, chị L sinh cháu gái dự định đặt tên là Nguyễn Ngọc Minh C.

Ngày 31/392026, chị L và anh H đăng ký kết hôn với nhau.

Tại kết quả xét nghiện ADN mã số 042801 ngày 04/5/2026 của Trung tâm phân tích ADN và công nghệ di truyền, kết luận: Cháu Nguyễn Ngọc Minh C là con của ông Nguyễn Trung H.

Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên có đủ cơ sở kết luận anh Nguyễn Trung H là cha đẻ của cháu dự định đặt tên là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2026.

[3] Về lệ phí: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L được miễn lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 10 Điều 29, Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 88; Điều 89; Điều 91; Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh L. Xác định anh Nguyễn Trung H, sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên là cha đẻ của cháu dự định đặt tên là Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 22/02/2026, địa chỉ tại thôn B, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự cho chị Nguyễn Thị Thanh L.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;*
- *UBND phường Mỹ Hào;*
- *Người yêu cầu;*
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đinh Thị Vân Anh